

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2026/HS-ST

Ngày 05-02-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều My.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bạ, ông Nguyễn Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2026/TLST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2026 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2026/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2026, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn T**; tên gọi khác: không; sinh ngày 06/5/1997 tại tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: Liên gia B, tổ dân phố A, phường T, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T1 và bà Đào Thị Minh T2; bị cáo có vợ là Lê Thị Thanh P và có 01 con, sinh năm 2019.

Tiền án: không;

Tiền sự: Ngày 24/5/2024, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk) ra quyết định số 60/2024/QĐ-TA áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 12 tháng, ngày 03/12/2024 chấp hành xong quyết định.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/11/2025, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam B - Trại tạm giam số 1, tỉnh Đắk Lắk.

Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn T4, sinh năm 1964. Địa chỉ: Số F, thôn T (cũ là thôn A, xã H), xã H, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

+ Bà Đào Thị Minh T2, sinh năm 1974. Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường T, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

- Người chứng kiến:

+ Ông Dương Thế N, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tổ dân phố C, phường T,

tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Việt T5, sinh năm 2003. Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường T, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Hữu T6, sinh năm 1976. Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường T, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Phạm Văn T là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, loại Amphetamine (hay còn gọi là ma túy đá). Ngày 24/5/2024, T bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk) ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Ngày 03/12/2024, T chấp hành xong quyết định, trở về địa phương sinh sống. Ngày 19/4/2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường K, thành phố B (nay là phường T), tỉnh Đắk Lắk ra quyết định số 13/QĐ-UBND, quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú đối với T, trong thời hạn từ ngày 19/4/2025 đến ngày 19/4/2027. Mặc dù đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú theo Luật Phòng, chống ma túy, nhưng T đã tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy, cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 30/7/2025, T sử dụng điện thoại di động hiệu Iphone 12, gắn sim số 0876.378.788, liên lạc với nam thanh niên tên H (không rõ nhân thân, lai lịch) ở xã H, tỉnh Đắk Lắk, hỏi mua 200.000 đồng ma túy đá để sử dụng, thì H đồng ý bán và hẹn giao ma túy tại khu vực ngã tư gần tiệm tạp hóa bà T7, tại tổ dân phố A, phường T, tỉnh Đắk Lắk. Sau đó, T điều khiển xe mô tô hiệu Wave, biển số 47B1 - 462.71 đến điểm hẹn gặp và đưa cho H số tiền 200.000 đồng thì H bán cho T 01 (một) tép ma túy đá được bỏ trong vỏ viên kẹo. Sau khi mua được ma túy, T điều khiển xe mô tô đi đến khu vực nghĩa trang T8, phường T, tỉnh Đắk Lắk để sử dụng, rồi vứt dụng cụ sử dụng tại chỗ. Đến khoảng 21 giờ 00 phút cùng ngày, Công an phường T, tỉnh Đắk Lắk tiến hành kiểm tra định kỳ đối với T, kết quả kiểm tra T dương tính với ma túy, loại Amphetamine.

Lần 2: Vào khoảng 14 giờ 00, ngày 05/11/2025, T đang đứng đón xe ở khu vực đường M, giáp ranh giữa phường T và phường B, tỉnh Đắk Lắk, thì có nam thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) đến hỏi T có mua ma túy không? thì T nói bán cho T 200.000 đồng, kèm dụng cụ sử dụng, thì người này đồng ý. T đưa số tiền 200.000 đồng, thì nam thanh niên này bán cho T 01 (một) tép ma túy đá được bỏ trong đoạn ống hút nhựa hàn kín hai đầu cùng dụng cụ, rồi T đi bộ vào khu vực đất trống gần đó sử dụng. Sau khi sử dụng xong, T đón xe ôm về nhà. Đến 08 giờ 00 phút, ngày 06/11/2025, Công an phường T, tỉnh Đắk Lắk tiến hành kiểm tra định kỳ với T, kết quả kiểm tra T dương tính với ma túy, loại Amphetamine.

Quá trình điều tra, T còn khai nhận: Vào một ngày khoảng cuối tháng 6, đầu tháng 7 năm 2025, T đã liên lạc với H hỏi mua 200.000 đồng ma túy đá để sử dụng, thì H đồng ý bán và hẹn giao ma túy tại khu vực ngã tư gần tiệm tạp hóa bà

T7, tại tổ dân phố A, phường T, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi mua được ma túy T ra khu vực nghĩa trang thuộc tổ dân phố A, phường T, tỉnh Đắk Lắk để sử dụng

Kết quả xét nghiệm chất ma túy tại Bệnh viện Đ, ngày 31/7/2025 và ngày 06/11/2025, kết luận: Phạm Văn T dương tính với chất ma túy, loại Amphetamine.

Tại Kết luận giám định số 150/KL-KTHS ngày 08/8/2025 của Phòng K - Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Mẫu nước tiểu của Phạm Văn T, sinh năm 1997 gửi giám định tìm thấy chất ma túy, loại Methamphetamine. Tại Kết luận giám định số 1006/KL-KTHS ngày 13/11/2025 của Phòng K - Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Trong mẫu nước tiểu thu của Phạm Văn T (sinh năm 1997) được niêm phong gửi giám định tìm thấy ma túy, loại Methamphetamine và sản phẩm chuyển hóa của Methamphetamine.

Tại Kết luận giám định số 1279/KL-KTHS ngày 26/12/2025 của Phòng K - Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu WAVE (HONDA), mang biển số 47B1 - 462.71, có hàng chữ số RLHHC1200BY530583 đóng ở khung xe (bên phải cổ xe) và hàng chữ số HC12E-3330569 đóng ở thân máy là hai hàng chữ số nguyên thủy của xe.

Cáo trạng số 77/CT-VKS-KV1 ngày 15/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk truy tố đối với bị cáo Phạm Văn T về tội “Sử dụng trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 256a của Bộ luật Hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk giữ nguyên nội dung bản cáo trạng, đồng thời phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 256a, điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2025. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù.

Các biện pháp tư pháp: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bà Đào Thị Minh T2 là chủ sở hữu hợp pháp: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave, biển số 47B1 - 462.71.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục

quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Phạm Văn T đang bị quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy tại quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 19/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường K, thành phố B (nay là phường T), tỉnh Đắk Lắk, thời hạn từ ngày 19/4/2025 đến ngày 19/4/2027. Tuy nhiên, T vẫn tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy 02 lần vào ngày 30/7/2025 tại khu vực nghĩa trang thuộc tổ dân phố A, phường T, tỉnh Đắk Lắk và ngày 05/11/2025 tại khu vực đất trống thuộc tổ dân phố B C, phường B, tỉnh Đắk Lắk, thì bị phát hiện xử lý. Ngoài ra, trong quá trình điều tra T còn khai nhận vào khoảng cuối tháng 6, đầu tháng 7 năm 2025, T còn có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại khu vực nghĩa trang thuộc tổ dân phố A, phường T, tỉnh Đắk Lắk.

Hành vi của bị cáo Phạm Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 256a của Bộ luật Hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Điều 256a của Bộ luật Hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2025 quy định:

“1. Người nào sử dụng trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 03 năm:

.....

b) Đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy;

.....”.

Hành vi của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại tới chính sách độc quyền quản lý về ma túy của Nhà nước, đồng thời còn gây mất ổn định trị an xã hội, nguyên nhân dẫn đến các tệ nạn và làm lan truyền các căn bệnh xã hội khác. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo nhận thức được rằng, ma túy là loại độc dược gây nghiện nên Nhà nước độc quyền quản lý và nghiêm cấm mọi hành vi sử dụng trái phép. Song do lối sống buông thả, không tu chí để cai nghiện ma túy nên sau khi chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Đắk Lắk (nay là Cơ sở cai nghiện ma túy Số A, tỉnh Đắk Lắk) và đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy, bị cáo đã tiếp tục thực hiện hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do lỗi cố ý gây ra.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk truy tố đối với bị cáo Phạm Văn T về tội “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”, theo quy định tại điểm b

khoản 1 Điều 256a của Bộ luật Hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2025 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo Phạm Văn T có nhân thân tốt.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Phạm Văn T phạm tội 02 lần trở lên nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra bị cáo đã tự thú về hành vi phạm tội, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt, thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với: 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Iphone12, màu trắng của bị cáo T và các dụng cụ mà bị cáo T đã dùng để mua và sử dụng trái phép chất ma túy. Sau khi mua và sử dụng ma túy xong, bị cáo T đã làm hư hỏng và vứt bỏ. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được, nên không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với: 01 chiếc xe mô tô biển số 47B1 – 462.71, nhãn hiệu Wave, số khung: HC1200BY530583, số máy: HC12E3330569, màu: đỏ đen bạc, dung tích xi lanh 97 cm³, do ông Nguyễn T4 đứng tên chủ sở hữu trong giấy chứng nhận đăng ký xe. Vào năm 2015, ông T4 đã bán lại chiếc xe mô tô trên cho bà Đào Thị Minh T2 (mẹ ruột của bị cáo T) nhưng chưa thực hiện thủ tục sang tên theo quy định. Bà T2 thường để chiếc xe mô tô trên ở nhà, T đã lấy chiếc xe mô tô làm phương tiện đi lại, sau đó sử dụng vào việc phạm tội, thì bà T2 không biết. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô trên cho bà T2 nhận quản lý, sử dụng và không đề cập xử lý đối với bà T2 và chiếc xe mô tô trên là phù hợp.

[5] Các tình tiết khác của vụ án: Đối với nguồn gốc số ma túy, bị cáo T khai dùng điện thoại di động hiệu Iphone 12, màu trắng, gắn sim số 0876.378.788 liên lạc với nam thanh niên tên H ở xã H, tỉnh Đắk Lắk để mua ma túy và số ma túy mua của nam thanh niên ở khu vực đường M, giáp ranh giữa phường T và phường B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra vẫn chưa xác minh được nhân thân, lai lịch của các đối tượng trên nên đã tách hành vi của các đối tượng nêu trên ra khỏi vụ án để tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Căn cứ Điều 256a của Bộ luật Hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 256a, điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T **02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, từ ngày 06/11/2025.

3. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà Đào Thị Minh T2 là chủ sở hữu hợp pháp: 01 (một) chiếc xe mô tô biển số 47B1 – 462.71, nhãn hiệu Wave, số khung: HC1200BY530583, số máy: HC12E3330569, màu: đỏ đen bạc, dung tích xi lanh 97 cm³.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 – TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 1 – Đắk Lắk;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS Khu vực – Đắk Lắk;
- PV 06 - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kiều My

- Lưu hồ sơ, văn phòng.